TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN PHƯỚC** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **115**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 05 - 10 - 2018
V/v " Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN PHƯỚC, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trà Thị Thanh Thắm**;
Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Văn Khánh**;

Bà **Thái Thị Viết**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hạnh**-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên toà: Ông **Phan Đình Đạo** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 66/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2018 về việc:"*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị S, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn 05, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn 02, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Nguyên đơn chị S, có mặt; Bị đơn anh Nguyễn T, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ vụ án, tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị S trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Nguyễn T đã tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2013, có một người con chung là cháu

Nguyễn Tấn Kh. Đến năm 2014 anh, chị mới thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Sau khi kết hôn, chị và anh T về sống chung tại nhà của chị ở thôn 05, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Cuộc sống vợ chồng từ sau khi kết hôn không được hạnh phúc, thường xuyên xảy ra những mâu thuẫn, bất hòa. Anh T là người chồng thiếu trách nhiệm với gia đình, anh uống rượu, bài bạc làm cho mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng thêm. Sau khi xảy ra mâu thuẫn, đầu năm 2017 anh T đã đưa cháu Kh về sống cùng anh tại thôn 02, xã T. Từ thời gian đó đến nay chị và anh đã không còn sống chung với nhau nữa. Đến nay, chị xét thấy tình cảm giữa chị và anh T không còn nữa, chị đề nghị xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- *Về con chung:* Chị và anh Nguyễn T có một người con chung là cháu Nguyễn Tấn Kh, sinh ngày 12/11/2013. Hiện nay cháu Kh đang được anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên chị đề nghị giao cháu Kh cho anh T nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, lời khai có tại hồ sơ vụ án, bị đơn anh Nguyễn T trình bày:

Anh đồng ý với ý kiến trình bày của nguyên đơn chị S về thời gian anh chị kết hôn. Anh thừa nhận cuộc sống vợ chồng giữa anh và chị S có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, mỗi lần vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì chị S dẫn con đi nhiều ngày mà không hỏi ý kiến của anh. Hiện nay anh và chị S không còn chung sống với nhau nữa. Anh thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị Lê Thị S.

Về con chung: Cháu Nguyễn Tấn Kh, sinh ngày 12/11/2013 là con chung của anh và chị S, hiện nay cháu Kh đang được anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên anh thống nhất theo yêu cầu của chị S, anh sẽ nhận nuôi cháu Kh và không yêu cầu chị S cấp dưỡng.

Về chia tài sản và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia Tố tụng tại Tòa án. Đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về Tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận về thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị S và anh Nguyễn T.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự về việc nuôi con chung, theo đó anh Nguyễn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục

cháu Nguyễn Tấn Kh, sinh ngày 12/11/2013 đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Lê Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 21/9/2018, bị đơn anh Nguyễn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị S và anh Nguyễn T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2013, anh chị đã có một người con chung là Nguyễn Tấn Kh. Đến năm 2014 anh, chị mới thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh T được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn giữa anh T và chị S phát sinh từ nguyên nhân tính tình không hợp nhau, anh T thường xuyên uống rượu, chơi cờ bạc làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình, nhiều lần anh T đánh đập chị S. Qua xác minh tình trạng mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa anh Nguyễn T và chị Lê Thị S tại Ban chấp hành Hội phụ nữ xã T thể hiện: Cuộc sống vợ chồng giữa chị S và anh T có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thường hay chơi bời, uống rượu, bài bạc.Thời gian gần đây chị S và anh T không sống chung với nhau nữa, chị S đã về lại nhà của chị tại xã T để sinh sống.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị S vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị ly hôn với anh T. Đối với anh Nguyễn T, mặt dù không có mặt tại phiên tòa nhưng qua nội dung bản tự khai, nội dung biên bản ghi lời khai đã thể hiện anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị S. Vì vậy, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị S và anh Nguyễn T.

[3] Về con chung: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị S vẫn giữ nguyên yêu cầu, đề nghị giao cháu Nguyễn Tấn Kh cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành. Xét thấy, hiện nay cháu Nguyễn Tấn Kh đang được anh T nuôi dưỡng, cháu đang học tập tại xã T, nơi anh T có hộ khẩu thường trú và sinh sống. Tại bản tự khai, lời trình bày ý kiến của anh tại biên bản ghi lời khai ngày 29/8/2018 do Tòa án lập đã thể hiện: Anh Nguyễn T thống nhất theo yêu cầu của chị S, anh sẽ nhận nuôi cháu Kh đến tuổi trưởng thành và không có yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi dưỡng cháu Kh là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, phù hợp với điều kiện thực tế của cháu Kh hiện nay nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi dưỡng con chung sau ly hôn. Theo đó anh Nguyễn T nuôi dưỡng, chăm sóc và

giáo dục cháu Nguyễn Tấn Kh đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi, chị Lê Thị S không cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án, xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị S và anh Nguyễn T thuận tình ly hôn.

2.Về con chung: Giao cho anh Nguyễn T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục người con chung chưa thành niên, cháu Nguyễn Tấn Kh, sinh ngày 12/11/2013 đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị Lê Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Lê Thị S phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng y*) án phí Hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng y*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam theo biên lai thu số 0018655 lập ngày 06 tháng 6 năm 2018. Chị S đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (05/10/2018) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tiên Phước;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- CCTHA huyện Tiên Phước;
- UBND xã T, h. T;
- Lưu hồ sơ + án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Trà Thị Thanh Thắm